

TÌM HIỂU CÁC TƯ TƯỞNG TÂM LÝ HỌC THỜI KỲ TRUNG CỔ

NGUYỄN NGỌC PHÚ*

Thời kỳ Trung cổ là một quãng thời gian khá dài, được tính từ khoảng thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ XV, là thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ tan rã và thay vào đó là sự xuất hiện của Nhà nước phong kiến.

Hệ tư tưởng thống trị xã hội thời Trung cổ là hệ tư tưởng phong kiến do tôn giáo và nhà thờ thống trị. Nhà thờ là một tổ chức tập quyền hùng mạnh, thống trị toàn bộ xã hội về tinh thần, chính trị, kinh tế và vì thế các quan điểm khoa học chân chính về các lĩnh vực đời sống xã hội đã không có chỗ đứng ở thời Trung cổ.

Thời kỳ Trung cổ có một số nét đáng chú ý:

- Thời kỳ này là thời kỳ thống trị của thế giới quan tôn giáo và thần học diễn ra trên sự phủ định của các thành tựu Cổ đại, bởi vậy khoa học không được phát triển. Triết học gắn bó chặt chẽ với tôn giáo. Đa số các nhà triết học đều là các nhà thần học. Nhiều thành tựu khoa học đạt được từ thời Cổ đại đã bị cố tình lãng quên và nhiều điều con người phải làm lại từ đầu, từ lúc còn mông muội. Có thể nói thời kỳ Trung cổ là một bước thụt lùi so với thời kỳ Cổ đại.

- Các tư tưởng triết học thời kỳ Trung cổ mang nặng tính kinh viện, tập trung vào giải quyết mối quan hệ giữa tri thức và niềm tin tôn giáo. Chủ nghĩa duy danh và chủ nghĩa duy thực là hai khuynh hướng triết học, tâm lý học nổi bật ở thời kỳ Trung cổ. Về sau này trở thành hai trào lưu triết học nổi bật, mà sự đấu tranh của chúng đã tạo nên bộ mặt phong phú của triết học hiện đại là chủ nghĩa duy vật và duy tâm, cùng các biến tướng của chúng.

- Quan niệm về tâm hồn ở thời kỳ này được giải thích như là cái bản chất *điều khiển cuộc sống kép* trong thân thể mỗi người và trong thượng đế. Các chứng cứ khoa học được đưa ra lại là những cái được luận cứ trên cơ sở quyền uy và thói quen thay cho kinh nghiệm trực tiếp về các biểu tượng của hoạt động tâm lý. Các thành tựu nghiên cứu về tâm hồn từ thời Aristote đã không được chấp nhận do chủ trương của nhà thờ Cơ đốc giáo muốn tách con người ra khỏi hiện thực tội lỗi để tiếp xúc với thượng đế. Cuối thời kỳ Trung cổ đã bắt đầu xuất hiện học thuyết về

*GS.TS, Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự - Bộ Quốc phòng.

"Chân lý hai mặt" (chân lý kép) cho rằng bên cạnh chân lý tôn giáo không được chứng minh, không được cải chính còn có một đối tượng đặc biệt, được nhận thức bằng phương thức đặc biệt, như bằng phương pháp linh cảm của con người. Như vậy, bên cạnh chân lý của nhà thờ, chân lý tôn giáo còn có chân lý thuộc thẩm quyền phán xét của lý trí. Đây là *đòn tấn công* vào sự thống trị về tư tưởng của nhà thờ. Và cũng chính từ các đòn này, các thành tựu khoa học Cổ đại của Ai Cập đã có dịp được phát hiện lại, được mọi người biết đến sau nhiều thế kỷ bị các thế lực nhà thờ Trung cổ bung bít.

Nói đến các tư tưởng tâm lý học thời Trung cổ phải kể đến các tư tưởng tâm lý học của các tác gia thuộc các nước Ả rập và các nước châu Âu Trung cổ.

Trong các tác gia thuộc các nước Ả rập thời Trung cổ phải kể đến *Avicenne* (980 - 1037). Ông là nhà triết học, nhà khoa học, bác sĩ sống ở Trung Á và Iran. Avicenne là người kế tục sự nghiệp của Aristote ở phương Đông, trong chừng mực nào đó được xếp vào hàng ngũ những người theo chủ nghĩa Platon mới.

Do những tư tưởng khoa học khách quan của Avicenne mà các kết quả nghiên cứu của ông được truyền bá rộng rãi ở cả phương Đông và phương Tây. Đã có tới 30 nhà xuất bản la tinh in sách của ông như cuốn: "*Các quy tắc khoa học của Y học*" gồm 5 tập là một công trình tổng kết các quan điểm và kinh nghiệm chữa bệnh của các thầy thuốc Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ, Trung Á... đã trở thành cẩm nang y học cho

nhiều thế kỷ sau này. Người ta coi tập sách này của Avicenne như Đại bách khoa y học lý thuyết và lâm sàng. Các quy tắc do Avicenne soạn thảo "trong vòng 5 thế kỷ giữ quyền lực vô song tại các trường y học của trung thế kỷ" (1).

Avicenne cho rằng sự tồn tại của tâm hồn (linh hồn) là do hoạt động của cơ thể quyết định. Sự bất tử, bất diệt của linh hồn (điều mà giáo lý đạo Hồi, cũng như đạo Cơ đốc giáo luôn tuyên truyền cho các con chiên của mình) với tư cách là thực thể cá nhân đã bị Avicenne phản bác. Avicenne là người nổi bật nhất sau *Galenus* (khoảng 130 - 200) trong việc đưa ra học thuyết tách lý thuyết tâm hồn ra khỏi triết học. Ông cho rằng có hai loại tâm hồn: *tâm hồn chữa bệnh* (đó là tâm hồn khoa học tự nhiên) và *tâm hồn triết học*. Ông đã đưa ra quan niệm độc đáo về "*chân lý hai mặt*" nhằm tách tri thức triết học đang bị nhà thờ khống chế ra khỏi tri thức khoa học tự nhiên mà cuộc sống đang đặt ra những điều cần phải giải quyết. Quan điểm như vậy đã đảm bảo cho nghiên cứu tự nhiên hữu sinh tách khỏi tác động phản khoa học của tôn giáo an toàn hơn và điều này đã cho phép Avicenne triển khai nghiên cứu rộng rãi kinh nghiệm các sự kiện tâm vật lý và đưa ra các giải thích khác hẳn với tôn giáo về tính bất tử và tính vật chất của tâm hồn. Ông đề cao vai trò của kinh nghiệm, thực tiễn. Các thành tựu hiện thực của y học phương Đông được ông đúc kết, tuyên truyền đã tạo nên sự tương phản cực kỳ đậm nét với những gì là dốt nát đang thống trị tại châu Âu Trung cổ.

Từ lý thuyết về hai loại tâm

hồn, Avicenne đã soạn thảo hai học thuyết về tâm hồn, trong đó có một học thuyết biểu thị quan điểm của người thầy thuốc được trình bày trong các quy tắc y học. Học thuyết này là học thuyết duy vật. Tư tưởng về tính phụ thuộc của tâm lý nói chung vào não được dẫn ra rất nhiều trong các quy tắc y học của ông. Ông cũng đúc kết sự liên hệ về cuộc sống tinh thần với các biến đổi về thân thể, tạo nên một sự thiết lập vững chắc trong tâm sinh lý học truyền thống. Có những truyền thuyết kể lại cách chữa bệnh của ông nhằm tìm hiểu nguyên nhân tinh thần đối với sự suy nhược thân thể của một người bệnh. Mỗi khi nói với người bệnh một từ, ông ghi lại sự biến đổi mạch của người đó. Những từ nào trong những từ đưa ra gây kích thích xúc cảm mạnh ở người bệnh đã được ông đặc biệt chú ý để đi tìm nguyên nhân chữa trị cho bệnh nhân. Có khả năng có thể coi đây là trường hợp thực hành phương pháp chẩn đoán tâm lý đầu tiên trong lịch sử tâm lý học⁽²⁾. Avicenne cũng tiến hành một thực nghiệm lý thú liên quan tới tâm lý học xúc cảm sau này. Ông cho hai con cừu được ăn như nhau về số lượng và chất lượng, nhưng một con được ăn trong điều kiện bình thường, còn một con được ăn ở nơi nó bị nhốt, cách không xa có một con chó sói bị xích. Mặc dầu được chăm sóc nuôi dưỡng như nhau, nhưng con thứ hai đã bị gầy đi và bị chết. Thực nghiệm này đã đưa đến luận cứ cho mầm mống xuất hiện tâm sinh lý học thực nghiệm các trạng thái xúc cảm do Avicenne thực hiện⁽³⁾. Avicenne cũng là người khởi xướng tâm sinh lý

học lứa tuổi. Ông đã nghiên cứu một cách tỉ mỉ sự biến đổi đặc điểm tâm lý của cơ thể cùng với sự phát triển thể chất và đã đưa ra những kết luận có ý nghĩa về mặt giáo dục. Theo ông, trong khi gây ra ở đứa trẻ tình cảm này hay tình cảm khác mà người lớn đã góp vào sự hình thành bản tính tự nhiên của trẻ⁽⁴⁾.

Averroès (còn được gọi với các tên khác Ibonơ Rusodor, Ibonơ Rôsođơ) (1126 - 1198) là một nhà triết học, bác sĩ người Ả rập, đại biểu của chủ nghĩa Aristote phương Đông. Averroès đã từng sống tại Tây Ban Nha trong thời vương quốc Coóc đư và sống ở Maroc. Ông đã từng làm thẩm phán và là bác sĩ. Các tư tưởng triết học và tâm lý học tiến bộ của ông thể hiện ở chỗ ông đã phát triển những yếu tố duy vật chủ nghĩa triết học Aristote, chứng minh vật chất và vận động là vĩnh viễn, không do cái gì sáng tạo ra cả. Ông đã phủ nhận sự bất tử của linh hồn cá nhân và cuộc sống dưới địa ngục. Trong công trình "Sự cải chính của cải chính" ông đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa thần bí của nhà Hồi giáo Gadali. Ông cũng là người tích cực chứng minh cho học thuyết về chân lý hai mặt. Nghiên cứu về chức năng của mắt thời đó, ông đã phát hiện ra rằng không phải thủy tinh thể như quan niệm đã có, mà là võng mạc - một bộ phận nhận cảm của cơ quan thị giác. Phát hiện này là một thành tựu của tâm sinh lý học thời Trung cổ. Người ta đã gán phát hiện này cho Averroès⁽⁵⁾. Những bình chú của ông về tác phẩm của Aristote đã đóng một vai trò to lớn

hướng dẫn tư tưởng và hành động căn cơ của các nhà triết học châu Âu đương thời. Các tư tưởng triết học đúng đắn của Averroès đã ảnh hưởng to lớn đến sự nghiệp triết học châu Âu Trung cổ, đặc biệt là ở châu Âu dưới cái tên gọi chủ nghĩa Averroesisme. Học thuyết của ông đã bị đạo Hồi và đạo Cơ đốc chính thống truy nã. Ngay trong nội bộ nền triết học kinh viện cũng đã xuất hiện những nhóm người vô thần, thán phục tư tưởng triết học và tâm lý học của Averroès.

Pazec (865 - 925) là nhà triết học, bác sĩ, bác học người Iran, nhà đại bách khoa, người đã lớn tiếng kêu gọi cho việc xây dựng khoa học bằng quan sát, thực nghiệm, chứ không thể thực hiện một cách mù quáng như *Galenus* (sinh khoảng 130 - 200 sau công nguyên). *Pazec* là tác giả của khoảng 184 tuyển tập (có 61 tuyển tập hiện còn được lưu giữ), trong đó có những tác phẩm dành riêng cho các vấn đề tâm lý học, đặc biệt là các nghiên cứu trực tiếp chống lại xu hướng, quan niệm của *Galenus* đối với hành vi thị giác.

Angazen (965 - 1039) là nhà bác học người Ả rập. Ông là người có nhiều công trình nghiên cứu về tâm sinh lý học, làm rõ các hiện tượng tâm lý đặc biệt nảy sinh trong cơ thể có liên quan tới tác động của các cơ quan cảm giác. *Angazen* đã nghiên cứu nhiều hoạt động của mắt, nghiên cứu các quy luật phản ánh và khúc xạ ánh sáng và đã đi đến kết luận là cơ quan thị giác mắt tựa như một dụng cụ quang học. Để đạt được quan niệm như vậy, *Angazen* đã phải vượt qua những biểu tượng cổ đại không đầy đủ về chức năng thị giác, nhìn thấy cấu tạo của mắt theo quy luật của quang học. Ông cho rằng hình ảnh của khách thể bên ngoài là cơ sở của tri giác thị giác. Hiệu quả của

tri giác thị giác chính là kết quả của hoạt động trí tuệ bổ sung bậc cao hơn, mà nhờ vào đó mà sự giống nhau và khác nhau của các khách thể nhìn thấy được thiết lập. "Năng lực phân biệt của mắt được nảy sinh bởi sự phán xét" ⁽⁶⁾. *Angazen* đã giả định rằng sự cải biến xử lý như thế diễn ra một cách vô ý thức. Điều khẳng định này đã cho phép coi *Angazen* là người tiên phong cống hiến học thuyết về vai trò của các "suy lý vô thức" trong hệ thống lý luận về tri giác thị giác mà sau này H. Helmholtz đã giành sự chú ý đặc biệt đến nó ⁽⁷⁾.

Angazen đã tách tính hiệu quả trực tiếp tác động của các tia sáng vào mắt và các quá trình tâm lý bổ sung mà nhờ vào quá trình tâm lý này đã nảy sinh tri giác thị giác đối với hình thù của đối tượng, khối lượng của nó v.v... Ông cũng đã tiến hành nghiên cứu nhiều hiện tượng kỳ lạ quan trọng như sự nhìn qua ống nhòm, sự hoà trộn màu sắc, sự tương phản... Ông cũng đã chứng minh rằng để tri giác đầy đủ khách thể tất yếu phải có sự vận động của mắt, sự chuyển dịch của trục mắt ⁽⁸⁾. Rõ ràng, các kết luận mà *Angazen* đưa ra đã đối lập với các giáo lý triết học kinh viện cả của Hồi giáo và Kitô giáo, cho rằng linh hồn trong tất cả biểu hiện của nó là thực thể của một loại đặc biệt liên quan đến thế giới siêu tự nhiên mà không ai có khả năng với tới được.

Khác với các tư tưởng tâm lý học của các nước Ả rập Trung cổ, các tư tưởng tâm lý học của châu Âu Trung cổ lại mang nặng tính chất kinh viện, tách rời với cuộc sống hiện thực của con người. Vấn đề được các nhà triết học quan tâm hàng đầu là mối quan hệ giữa tri thức và niềm tin tôn giáo, từ đó đã đi đến phải giải quyết mối quan hệ giữa cái

chung và cái riêng, và trên khía cạnh này đã xuất hiện quan điểm của *chủ nghĩa duy thực* và *chủ nghĩa duy danh* mà việc đấu tranh giữa hai quan điểm này cùng các biến tướng của nó đã trở nên hết sức gay gắt xuyên suốt toàn bộ lịch sử triết học, tâm lý học thời kỳ Trung cổ.

Một tác gia đáng nói ở châu Âu Trung cổ là *Thomas d' Aquin* (1225 - 1274) - con trai của một bá tước người Italia. Ông là nhà thần học của Ki tô giáo, nhà triết học kinh viện nổi tiếng có ảnh hưởng lớn đến hệ thống tư tưởng giáo hội phương Tây, bởi thế người ta còn gọi ông là thánh Tô mác... Thomas d' Aquin là một nhà học thức uyên bác, thông minh, có khả năng đọc được nguyên bản tiếng Hy Lạp, các tác phẩm của Aristote, sau đó dịch ra tiếng Latinh và có chú giải khá kỹ lưỡng. Các tác phẩm chính của ông: *Ý kiến về những cuộc tranh luận chân lý* (1256 - 1259); *Năng lực* (1265 - 1266); *Linh hồn* (1266); *Tổng luận thần học* (1266 - 1272)...

Các tư tưởng triết học của ông đã được đạo Thiên chúa chấp nhận là triết học duy nhất đúng đắn và lấy làm hệ tư tưởng của mình. Ông quan niệm, cái chung tồn tại trên ba mặt: a/ Tồn tại trước sự vật, trong trí tuệ của thượng đế; b/ Cái chung tìm thấy trong các sự vật riêng lẻ; c/ Cái chung được tạo ra sau sự vật, trong trí tuệ con người bằng con đường trừu tượng hoá sự vật riêng lẻ. Ông cũng quan niệm nhận thức của con người không phải tiếp thu bản thân sự vật mà là tiếp thu hình ảnh của sự vật. Ông chia ra hình ảnh cảm tính và hình ảnh lý tính. Hình ảnh lý tính cao hơn hình ảnh cảm tính.

Roger Bacon (1214 - 1292) là nhà triết học và là nhà nghiên cứu tự nhiên người Anh, tu sĩ của phái Francis, giáo sư

của Trường đại học Oxford. Bacon là người đề cao vai trò của toán học và kinh nghiệm trong các nghiên cứu thực nghiệm khoa học lẫn các nghiên cứu linh cảm thân bí bên trong con người. Ông là người quan tâm nhiều đến quang học và thiên văn học. Ông cũng đã tiên đoán được nhiều phát kiến khoa học có giá trị của loài người. R. Bacon là người khởi xướng chủ nghĩa duy danh.

Về nhận thức chân lý ông cho rằng những lập luận mà chưa được kiểm tra bằng con đường kinh nghiệm và thực tiễn thì chưa thể phân biệt được giữa ngẫu biến và chân lý. Theo ông, trong nhận thức sự vật thì phương pháp "như ngọn đèn soi đường" có một ý nghĩa rất quan trọng.

R. Bacon nhấn mạnh, điểm xuất phát của nhận thức chính là kinh nghiệm. Ông cho rằng kinh nghiệm là tiêu chuẩn của chân lý, từ kinh nghiệm con người có thể khái quát được lý luận ở bậc cao hơn. Ông giải thích, vì sai lệch do đặc điểm tâm lý, tính cách mỗi người khác nhau, do thế cùng một sự vật có thể với các con người khác nhau lại có các nhận thức khác nhau. Ông cũng là người đã giáng những đòn nặng nề vào giáo lý nhà thờ Trung cổ, phê phán gay gắt tính chất vô bổ của các phương pháp kinh viện tách rời lý luận với cuộc sống hiện thực.

Do có nhiều tư tưởng xã hội tiến bộ, dám tấn công vào Giáo hoàng, vào các quan điểm thần học của nhà thờ mà về cuối đời R. Bacon đã bị Nhà nước phong kiến và giáo hội truy nã, bị bắt cầm tù hàng chục năm và chỉ được thả tự do trong vòng 2 năm trước khi ông qua đời.

John Duns Scot (1266 - 1308) là một đại biểu nổi tiếng của triết học kinh

viện, nhà duy danh luận thế kỷ XIII, sinh tại Anh, tốt nghiệp Trường đại học Oxford, thầy tu của phái Francis.

Duns Scot giải quyết vấn đề tồn tại của thượng đế theo lập trường thần học, cho rằng thượng đế tồn tại là bất tận. Ông là người kịch liệt phê phán chủ nghĩa Toma.

Về lý luận nhận thức, Duns Scot nhấn mạnh đến vai trò của nhân tố tinh thần. Ông cho rằng tinh thần là hình thức của thân thể con người, gắn liền với thân thể con người khi còn đang sống, và do thượng đế ban phát từ khi con người sinh ra. Tinh thần có một sức mạnh to lớn trong nhận thức. Tri thức của con người được hình thành từ tinh thần và từ đối tượng nhận thức.

Về vai trò của lý trí và ý chí, ông cho rằng cái thống trị nội dung hoạt động của con người là ý chí chứ không phải là lý trí. Ông cũng là người đưa ra khái niệm "nội hàm", lần đầu tiên đã lấy ý nghĩa cụ thể để đối lập với cái trừu tượng.

Thừa nhận các quan niệm từ thời Cổ đại, coi tâm hồn, tâm lý như một dạng vật chất, như thân thể vật lý, Duns Scot cũng tự hỏi "có hay không có vật chất biết suy nghĩ" ⁽⁹⁾. Duns Scot cũng nêu ra giả thuyết "Phải chăng tư duy là thuộc tính của vật chất". Đây chính là cú giáng lịch sử đầu tiên đối với học thuyết về bản thể tâm lý, chống lại luận điểm thần học của nhà thờ cả Cơ đốc giáo lẫn Hồi giáo. Cho đến nay vấn đề này vẫn còn là vấn đề trung tâm đối với tất cả các khuynh hướng duy vật.

Guillaume d' Occam (sinh khoảng cuối thế kỷ XIII, mất năm 1349 hoặc 1350) là nhà thần học và là nhà triết học kinh viện người Anh thời Trung cổ, giảng viên của các Trường đại học Oxford và

Paris, đại diện nổi tiếng nhất của chủ nghĩa duy danh. Occam là người đã làm sâu sắc hơn các luận điểm của Duns Scot. Occam đã xuất phát từ những luận điểm cụ thể và những ký hiệu về sự vật đó. Theo ông, cảm giác như là một loại độc đáo của ký hiệu (dấu hiệu) được sinh ra bởi đối tượng khách quan bên ngoài con người. Đây là một tư tưởng vĩ đại, một bước ngoặt to lớn... từ quan niệm xem xét tư duy, nhận thức con người theo cách hướng vào trong, tự quan sát mình (*introversion*) sang hướng ra ngoài (*extraversion*) quan sát đằng sau các thao tác ngôn ngữ, sau hành vi, sau hệ thống các ký hiệu như là cơ sở của cuộc sống tâm hồn của con người. Điều đó có nghĩa là chuyển từ "kinh nghiệm chủ quan bên trong" của chủ thể, đến việc phân tích một cách khách quan các quan hệ ký hiệu thu được từ hiện thực cuộc sống. Đây là một bước ngoặt to lớn ở thời kỳ Trung cổ, khi mà các giáo lý nhà thờ đang thống trị một cách tuyệt đối: con người không thể nhận thức được hiện thực bên ngoài, con người chỉ có một niềm tin duy nhất là tin vào thượng đế, chúa trời là nhận thức được mọi sự vật. Tư tưởng của Occam đã làm lay chuyển niềm tin tôn giáo. *Con người có khả năng nhận biết được thế giới bên ngoài. Các biểu tượng có được về thế giới bên ngoài là vững chắc, đáng tin cậy, điều mà bộ máy nhà thờ đương thời rất lo sợ.* Chính vì vậy mà Occam đã bị kết tội là tà giáo, bị Giáo hoàng phán xét, bị bỏ tù tại Avignon, nhưng sau một số năm ông đã bỏ trốn.

Điều Occam đưa ra liên quan đến việc khẳng định *ý thức cá nhân như là chủ thể độc lập của nhận thức.* Một quan niệm như vậy mới có khả năng *dám thủng rào chắn* tư tưởng nhà thờ Trung cổ để con người có thể đi vào nhận thức bản chất sự vật. Tư tưởng về *tính tương đối*

của tri thức đã xuất hiện. Tư tưởng này được biểu thị lần đầu tiên trong học thuyết có tính quy luật của nhận thức. Sự đa dạng của ngôn ngữ đã đem đến khả năng là các đối tượng như nhau có thể được ghi nhận bằng các từ khác nhau. Hệ thống ký hiệu của mỗi cá nhân về sự vật cho phép sự tự do nhất định về thái độ dẫn đến xác định nội dung sự vật tiếp nhận. Cường điệu khía cạnh tính tương đối trong nhận thức con người sẽ dẫn đến chủ nghĩa chủ quan, hoặc là chủ nghĩa không thể biết, còn nếu lảng tránh nó sẽ đi tới chủ nghĩa giáo điều.

Rõ ràng, so với các tư tưởng của Thomas d' Aquin (1225 - 1274) thì tư tưởng của G. Occam đã có một bước tiến quyết định trên con đường đi tới chân lý khoa học về cuộc sống tinh thần của con người. Với Thomas d' Aquin khái niệm chung về sự vật đó là tiềm năng tinh thần. Còn ở Occam được hiểu là các thao tác ngôn ngữ. Hình ảnh về sự vật có được trong mỗi chủ thể, theo Thomas d' Aquin, đó là hình ảnh mang tinh thần tiềm năng, không nhìn thấy được đối với bất cứ ai, trừ chủ thể nhận thức, còn ở Occam đó là dấu hiệu độc lập với ý thức cá nhân. Trong khi sử dụng các dấu hiệu này chủ thể xây dựng khái niệm chung. Ở Thomas d' Aquin thuyết mục đích của tâm hồn và kinh nghiệm bên trong của mỗi chủ thể là cơ sở của toàn bộ nhận thức. Còn ở Occam, ông quan niệm đó là mầm mống của cái khách quan, của quan điểm kinh nghiệm và quyết định luận đối với hoạt động tâm lý. Các tư tưởng triết học và tâm lý học của Occam đã là một thành tựu đáng kể của lịch sử phát triển các tư tưởng tâm lý học thời Trung cổ.

*

* *

Sự thống trị hà khắc của các luật lệ nhà thờ đã tạo nên thời kỳ tối tăm dốt nát của cái gọi là "Đêm ngàn năm" Trung cổ. Mặc dầu vậy, trong sự kìm kẹp ấy vẫn xuất hiện những tư tưởng tâm lý học tiến bộ nhằm tìm kiếm lời giải đáp thực sự cho hiện thực phong phú về đời sống tinh thần của con người. Cũng nhờ những con người dũng cảm như *Avicenne, Averroès, Pazec, Anzezen, Thomas d' Aquin, Roger Bacon, John Duns Scot, G. Occam* và nhiều người khác mà các giá trị của văn hoá Cổ đại đã không biến mất, lại còn là cơ hội để các tri thức, các thành tựu tâm lý học Cổ đại có điều kiện tiếp tục phát triển. Công lao của các tác gia thời kỳ Trung cổ được trình bày ở trên đã loé lên những tia sáng có nguồn gốc từ bầu vật Cổ đại và góp phần to lớn cho sự phong phú của thời đại Phục hưng sau này. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) X.G. Còvnhier. *Lịch sử y học Trung cổ*. Kiev - 1893, trang 251, tiếng Nga.
- (2), (3) M. G. Iaròsepski. *Lịch sử tâm lý học*. NXB Tư tưởng, Mátxcova, 1985, xuất bản lần thứ 3, trang 95, tiếng Nga.
- 4) Xem Avicenne. *Quy tắc khoa học của y học*. Quyển 1, Tasoken, 1954.
- 5) Xem M. G. Iaròsepski. *Lịch sử tâm lý học*. Xuất bản lần thứ ba. NXB Tư tưởng, Mátxcova, 1985, xuất bản lần thứ 3, trang 97-98, tiếng Nga.
- 6) Ueberweg G. *Grundriss der Geschichte der Philosophie*. T.2, 10 Aufl. Berlin, 1915, trang 377-378.
- (7), (8) M. G. Iaròsepski. *Lịch sử tâm lý học*. Xuất bản lần thứ ba. NXB Tư tưởng, Mátxcova, 1985, xuất bản lần thứ 3, trang 97, tiếng Nga.
- 9) Dẫn theo C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Tập 2, trang 142, tiếng Nga.